TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ***121*****/2017/HNGĐ - ST**
Ngày: ***28 -7-2017***
V/v Tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông PHẠM HẢI DUY**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông TRẦN VĂN HÀI

2. Ông MÃ THANH TRUNG

- Thư ký phiên tòa: **Ông LƯƠNG THẾ VINH**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: (không có)

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2017/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh LÊ QUỐC T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

***2. Bị đơn*: Chị TRƯƠNG THỊ THÙY L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp 04, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh Lê Quốc T có mặt; chị Trương Thị Thùy L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 28/02/2017 nguyên đơn là anh Lê Quốc T trình bày:

Do quen biết nên anh T và chị Trương Thị Thùy L kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 21/5/2015. Quan hệ hôn nhân hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, đến ngày 23/9/2015 Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã tiến hành xét xử vụ án xin ly hôn giữa anh T và chị L, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, sau đó anh T đã kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo luật định. Tuy nhiên, ngày 20/01/2016 anh T rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã đình chỉ xét xử phúc thẩm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-PT.

Từ năm 2015 cho đến nay, giữa anh T và chị L không còn sống chung với nhau nữa đồng thời quan hệ vợ chồng cũng không cải thiện.

Về con chung: có 01 đứa tên là Lê Trung T, sinh ngày 03/02/2010 hiện đang sống cùng với anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị Thùy L.

Về con chung: anh T yêu cầu được nuôi con chung là Lê Trung T, sinh ngày 03/02/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trương Thị Thùy L vắng mặt:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là chị Trương Thị Thùy L vắng mặt. Xét thấy, bị đơn là chị Trương Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các lời trình bày của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến nguyên đơn đã 01 lần nộp đơn xin ly hôn với bị đơn tại Tòa án. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo những bản án, quyết định của Tòa án mà nguyên đơn đã khởi kiện xin ly hôn với bị đơn vào năm 2015 thì từ đó cho đến nay, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không được cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng hơn bên cạnh đó, hiện nay nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung với nhau nữa, như vậy đã đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Về nuôi con chung: theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên là Lê Trung T, sinh ngày 03/02/2010, hiện đang sinh sống cùng với nguyên đơn. Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng đến việc phát triển bình thường của con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thành. Cho nên, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Trung T, sinh ngày 03/02/2010 của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 của Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Quốc T và chị Trương Thị Thùy L.

[2] Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Trung T, sinh ngày 03/02/2010 cho anh Lê Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trương Thị Thùy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Thùy L khỏi phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Lê Quốc T khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí HNST: Anh Lê Quốc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), anh T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06619 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên không phải nộp tiếp.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát cùng cấp;*
- *Chi cục THA dân sự cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẠM HẢI DUY